

Số: 21/2019/QĐST-DS

C, ngày 13 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Trần Văn U và chị Phạm Thị T và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Trần Văn U và chị Phạm Thị T không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Bích T không có yêu cầu độc lập.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 510/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*”, giữa:

* **Nguyên đơn**: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn**:

1. Anh **Trần Văn U**, sinh năm 1985.

2. Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Chị **Phạm Thị Bích T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại cho chị Trần Thị Thanh T 2.937.500 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 09688, ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Về quyền khởi kiện: Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn kim Ngọc Giàu

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cán bộ đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữ cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữ cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

